

Bản án số: 97/2023/DS-PT

Ngày: 13-03-2023

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
Vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Minh Tùng

Ông Lê Khắc Thịnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13/03/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 466/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2022/DS-ST ngày 29 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân Huyện Tháp Mười bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 62/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Huỳnh Hữu N, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp 5A, xã T, huyện T, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh N: Anh Nguyễn Tý H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 21, quốc lộ 30, phường M, thành phố C, Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/10/2021).

- Bị đơn: Nguyễn Đức T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp 5B, xã T, huyện T, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1999. Địa chỉ: Ấp L An, xã T, huyện T, Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/12/2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn L là Luật sư Văn phòng Luật sư T – Chi nhánh Tháp Mười thuộc Đoàn Luật Sư Tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn L1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Đức T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, văn bản ý kiến, biên bản lấy lời khai, ý kiến tại biên bản hòa giải, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Tý H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Huỳnh Hữu N trình bày:*

Trước đây do anh N có quen biết với anh T, nên anh N có cho anh T vay số tiền 1.300.000.000 đồng, có làm biên nhận mượn tiền ngày 13/3/2020, khi vay hai bên thỏa thuận miệng thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, việc thỏa thuận về thời hạn vay và tiền lãi chỉ có anh N, vợ anh N là chị Trần Ngọc X và anh T biết, ngoài ra không ai biết, anh N giao tiền cùng ngày vay và giao tiền trực tiếp cho anh T. Sau đó, anh T có nhờ anh Lê Văn L1 (là người làm thuê của anh T) trả cho anh N số tiền nợ gốc cụ thể: Lần 1 trả 590.000.000 đồng, lần 2 trả 100.000.000 đồng. Đối trừ số tiền nợ và số tiền đã thanh toán tính đến ngày 26/5/2020, anh T còn nợ anh N số tiền là 610.000.000 đồng.

Ngày 29/3/2020, anh T tiếp tục vay của anh N số tiền 300.000.000 đồng, có làm biên nhận mượn tiền ngày 29/3/2020, khi vay hai bên thỏa thuận miệng thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, việc thỏa thuận thời hạn vay và tiền lãi chỉ có anh N, chị X và anh T biết, ngoài ra không ai biết, anh N giao tiền cùng ngày vay và giao tiền trực tiếp cho anh T.

Tổng cộng theo hai biên nhận nêu trên thì anh T còn nợ anh N số tiền nợ gốc là 910.000.000 đồng và số tiền nợ lãi theo lãi suất 10%/năm, cụ thể như sau:

1/ Lãi suất của số tiền nợ 1.300.000.000 đồng được tính từ ngày 13/3/2020 đến ngày 26/5/2020 là 26.356.164 đồng.

2/ Lãi suất của số tiền nợ 610.000.000 đồng được tính từ ngày 26/5/2020 đến ngày 15/10/2021 là 84.731.507 đồng.

3/ Lãi suất của số tiền nợ 300.000.000 đồng được tính từ ngày 20/3/2020 đến ngày 15/10/2021 là 47.178.082 đồng.

Như vậy, tổng cộng anh T còn nợ anh N số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 15/10/2021 là 1.068.265.753 đồng. Anh N đã nhiều lần tìm đến và yêu cầu anh T trả cho anh N số tiền mà anh T còn nợ, nhưng anh T vẫn không trả và nhiều lần tránh mặt anh N.

Theo đơn khởi kiện, anh N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả cho anh N số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 15/10/2021 là 1.068.265.753 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi với lãi suất 10%/năm cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, anh H là người đại diện theo ủy quyền của anh N xin thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi, anh H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T trả cho anh N số tiền vay ngày 13/3/2020 còn nợ gốc là 610.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 15/10/2021 đến ngày xét xử ngày 29/9/2022, với mức lãi

suất là 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng; buộc anh T trả cho anh N số tiền vay ngày 29/3/2020 còn nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 15/10/2021 đến ngày xét xử ngày 29/9/2022, với mức lãi suất là 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng. Anh N không yêu cầu anh T trả số tiền lãi là 26.356.164 đồng của số tiền nợ 1.300.000.000 đồng từ ngày 13/3/2020 đến ngày 26/5/2020. Ngoài ra, anh N không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Theo ý kiến tại tờ tự khai, biên bản lấy lời khai, ý kiến tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị N là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Đức T trình bày:*

Anh T và anh L1 cùng anh N có mối quan hệ làm ăn qua lại trong việc đáo hạn N hàng. Để có được nguồn tiền cho khách hàng đáo hạn N hàng, nên giữa anh T và anh L1 đã cùng nhau vay tiền của anh N.

Ngày 13/3/2020, anh T và anh L1 cùng nhau vay số tiền 1.300.000.000 đồng, vay không lãi suất và khi vay hai bên thỏa thuận miệng là khi nào có thì trả, đối với số tiền vay này anh T và anh L1 đã trả cho anh N số tiền gốc là 690.000.000 đồng, còn nợ là 610.000.000 đồng.

Đến ngày 29/3/2020, anh T và anh L1 cùng nhau vay của anh N số tiền là 300.000.000 đồng, vay không lãi suất và khi vay hai bên thỏa thuận miệng là khi nào có thì trả, do anh T tin tưởng anh L1 nên khi ký tên vào biên nhận, anh T đã sơ xuất không kiểm tra lại các chữ ký. Đồng thời, anh T cũng yêu cầu đưa anh L1 vào tham gia tổ tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh L1 vắng mặt không có lý do.

Anh T thừa nhận chữ ký và chữ viết ghi họ và tên Nguyễn Đức T trong hai biên nhận mượn tiền ngày 13/3/2020 và ngày 29/3/2020 là do chính anh T ký và viết.

Nay anh T đồng ý trả cho anh N số tiền còn nợ gốc là 910.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày khởi kiện ngày 15/10/2021 đến ngày xét xử ngày 29/9/2022, với lãi suất là 10%/năm. Đồng thời, chị N là người đại diện theo ủy quyền của anh T có yêu cầu anh L1 cùng liên đới trả cho anh N số tiền còn nợ là 610.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định. Ngoài ra, anh T không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

*** Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:**

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Hữu N đối với yêu cầu anh Nguyễn Đức T về việc trả số tiền lãi là 26.356.164 đồng của số tiền 1.300.000.000 đồng, từ ngày 13/3/2020 đến ngày 26/5/2020.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Hữu N.

Buộc anh Nguyễn Đức T trả cho anh Huỳnh Hữu N số tiền vay ngày 13/3/2020 còn nợ gốc là 610.000.000 đồng và tiền lãi là 58.056.000 đồng, tổng cộng là 668.056.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi tám triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Công nhận sự thỏa thuận của anh Huỳnh Hữu N và anh Nguyễn Đức T:

Anh Nguyễn Đức T đồng ý trả cho anh Huỳnh Hữu N số tiền vay ngày 29/3/2020 còn nợ gốc là 300.000.000đồng và tiền lãi là 28.552.000 đồng, tổng cộng là 328.552.000đồng (Ba trăm hai mươi tám triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm anh T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Bị đơn không đồng ý với quyết định bản án sơ thẩm; giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người tham gia bảo vệ quyền và L ích hợp pháp cho bị đơn có ý kiến trình bày trong bản luận cứ như sau: đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, sửa án sơ thẩm, buộc anh L1 cùng có nghĩa vụ liên đới với anh T để trả nợ cho anh N đối với số tiền vốn vay là 610.000.000đ và tiền lãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Huỳnh Hữu N với bị đơn là anh Nguyễn Đức T về việc yêu cầu trả nợ vay nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản phù hợp với quy định tại điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bên bị đơn không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo. Tòa án Tỉnh thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Đức T về việc không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Theo chị N là người đại diện theo ủy quyền của anh T trình bày: Giữa anh N, anh T, anh L1 là chỗ quen biết nhau trong làm ăn. Để có được nguồn tiền cho khách hàng đáo hạn, nên giữa anh T và anh L1 đã cùng nhau vay tiền của anh N, vay 02 khoản tiền ngày 13/3/2020 và ngày 29/3/2020. Ngoài ra, chị N còn

trình bày: lý do biên nhận để nội dung người mượn tiền là anh Nguyễn Đức T là vì anh N chỉ đồng ý cho anh T vay, chứ không đồng ý cho anh L1 vay; Lời trình bày này của chị N phù hợp với lời trình bày của bên anh N là anh T hỏi vay thì anh N cho anh T vay, còn việc T hỏi dùm cho L1 hoặc cùng vay với L1 là việc của T, anh N không biết. Người đại diện theo ủy quyền của anh N xác định không có việc thỏa thuận làm ăn giữa anh T, anh N và anh L1 như anh T trình bày, anh N chỉ cho anh T vay tiền không có cho anh L1 vay, anh L1 tự ký tên vào biên nhận ngày 13/3/2020, anh N không biết. Đồng thời, nội dung biên nhận mượn tiền ngày 13/3/2020 thể hiện anh T là người mượn tiền còn anh L1 là người có trách nhiệm trả nợ và nội dung biên nhận mượn tiền ngày 29/3/2020, chỉ thể hiện người mượn tiền là anh T và chỉ có một mình anh T ký tên. Do đó, việc anh T nại ra và yêu cầu anh L1 cùng có trách nhiệm trả nợ cho anh N là chưa phù hợp nên không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận. Bởi vì, anh T không có chứng cứ để chứng minh cho việc thỏa thuận này. Nếu sau này, anh T chứng minh được số tiền này do anh L1 nhờ anh T vay dùm thì anh T có quyền khởi kiện anh L1 bằng một vụ án khác.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Xét lời trình bày và đề nghị của người tham gia bảo vệ quyền và L ích hợp pháp cho bị đơn trong bản luận cứ là chưa phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T nên anh T phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148 khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bị đơn Nguyễn Đức T;
2. Giữ nguyên quyết định Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười;

Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Hữu N đối với yêu cầu anh Nguyễn Đức T về việc yêu cầu trả số tiền lãi là 26.356.164 đồng của số tiền 1.300.000.000 đồng, từ ngày 13/3/2020 đến ngày 26/5/2020.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Hữu N.

Buộc anh Nguyễn Đức T trả cho anh Huỳnh Hữu N số tiền vay ngày 13/3/2020 còn nợ gốc là 610.000.000 đồng và tiền lãi là 58.056.000 đồng, tổng cộng là 668.056.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi tám triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Công nhận sự thỏa thuận của anh Huỳnh Hữu N và anh Nguyễn Đức T: Anh Nguyễn Đức T đồng ý trả cho anh Huỳnh Hữu N số tiền vay ngày 29/3/2020 còn nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi là 28.552.000 đồng, tổng cộng là 328.552.000 đồng (Ba trăm hai mươi tám triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Huỳnh Hữu N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Huỳnh Hữu N 22.024.000 đồng (Hai mươi hai triệu, không trăm hai mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001514 ngày 18/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Nguyễn Đức T phải chịu 41.898.000 đồng (Bốn mươi một triệu, tám trăm chín mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm:

Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008242 ngày 27/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

*** Nơi nhận:**

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. Tháp Mười;
- Chi cục THADS H. Tháp Mười;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Võ Trinh